

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HS-ST  
Ngày: 29-9-2021.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Duy.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Bà Đoàn Thị Mến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 09/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST-QĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Phan Thanh T, sinh năm 1974 tại Bình Thuận; hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nơi ở: Ấp A1, xã P, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; có cha là Phan Thanh B (Đã chết) và mẹ là Đồng Thị L; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 07 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 18/12/2020 đến ngày 21/12/2020 bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D. “Có mặt”

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp BT, xã Bình TĐ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Hẻm XX, Đường XL, khu phố PP, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

“Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

2. Bà Ngô Kim C, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: Hẻm XX, Đường XL, khu phố PP, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

“Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

3. Bà Phạm Thị Diễm E, sinh năm 1997.

Hộ khẩu thường trú: Tổ XN, ấp AN, xã L, T phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

4. Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Số 449/11, khu phố P, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Vắng mặt”

5. Bà Đỗ Thị Kim D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

6. Bà Lê Thị L (Tên gọi khác: M trắng), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Hẻm 56/9, Đường 27/4, khu phố Phước An, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

7. Bà Phan Thị Thanh H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: XX, Đường XL, phường B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. “Có mặt”

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/12/2020, có 03 khách nam vào quán cà phê Tôi Nhớ 2 tại ấp T, xã P, huyện D do Phan Thanh T làm chủ để uống cà phê và nhờ T gọi 03 nữ tiếp viên. T biết 03 khách nam có nhu cầu mua dâm nên đồng ý và dùng điện thoại hiệu Oppo F3 Plus, số thuê bao 0914136993 của mình gọi cho Lê Thị L (M trắng) nhờ L nhắn 02 gái bán dâm là Ngô Kim C và Huỳnh Thị H (C và H ở gần phòng trọ của L), T trực tiếp gọi cho Phạm Thị Diễm E đến quán cà phê Tôi Nhớ 2. Biết T gọi đến để bán dâm nên C, H và Diễm E tới quán cà phê Tôi Nhớ 2 gặp T và được T hướng dẫn vào Chòi số 03 của quán để gặp 03 khách nam đang chờ ở đó. Tại đây C và H thỏa thuận 01 lần bán dâm là 500.000 đồng, Diễm E thỏa thuận 01 lần bán dâm là 600.000 đồng, 03 khách nam đồng ý và trả tiền môi giới mại dâm cho T 250.000 đồng, trả tiền nước 150.000 đồng cho T. Sau đó C, H và Diễm E cùng 03 khách nam qua nhà nghỉ Ngọc C1 gần quán cà phê Tôi Nhớ 2 của T để thuê phòng mua, bán dâm. H và người tên H2 thuê phòng số 03, C và người tên H3 thuê phòng số 04, Diễm E và người tên T2 thuê phòng số 05. H2 và H đã quan hệ tình dục được 01 lần, chuẩn bị quan hệ tình dục lần 02; C với H3 và T2 với Diễm E đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phối hợp với Công an xã P bắt quả tang.

Từ lời khai của những người mua bán dâm, Công an mời T làm việc. Qua đấu tranh cùng với các chứng cứ thu thập được, T đã khai nhận hành vi môi giới mại dâm như trên.

Ngoài ra, T và những cô gái bán dâm còn thừa nhận: Các cô gái bán dâm để lại số điện thoại cho T, khi có khách mua dâm thì T sẽ gọi điện cho các cô gái đến bán dâm, mỗi lần môi giới như vậy thì gái bán dâm trả cho T từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 12/2020, T môi giới cho Diễm E bán dâm khoảng 10 lần, môi giới cho H bán dâm khoảng 02 lần và môi giới cho C bán dâm khoảng 03 lần; T thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng.

Về vật chứng tạm giữ:

Tạm giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus kèm theo sim, số 0914136993 là phương tiện T sử dụng để gọi các cô gái đến bán dâm; 150.000 đồng là tiền T bán nước cho 03 khách mua dâm; 250.000 đồng là tiền môi giới mua, bán dâm ngày 18/12/2020 mà 03 khách mua dâm trả cho T và 100.000 đồng là số tiền T thu nhập bất chính từ 10 lần môi giới mua bán dâm trước đó (Số tiền này T nhờ em gái mình là Phan Thị Thanh H1 nộp thay); tổng cộng tạm giữ của T 500.000 đồng.

Tạm giữ của H: Số tiền 1.050.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng là tiền H bán dâm 02 lần cho H2 và 50.000 đồng là tiền của H mang theo; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11, số seri: R9JN70V3X5J, số Imel: 35641611882948 và 02 bao cao su hiệu VPF H dùng để bán dâm, trong đó 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao chưa sử dụng.

Tạm giữ của C: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, số Imel: 356161110119872/01, kèm theo sim số 0379482621; số tiền 500.000 đồng là tiền C bán dâm ngày 18/12/2020; 01 bao cao su hiệu VPF đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu đen, biển số 72G1-118.88 là xe của bà Lê Thị L cho C mượn đi công việc, nhưng sau đó đi bán dâm bà L không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà L.

Tạm giữ của Diễm E: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 60F3-490.61; số tiền 600.000 đồng là tiền Diễm E bán dâm ngày 18/12/2020; 01 điện thoại Nokia màu đen; 01 bao cao su hiệu VPF sử dụng khi bán dâm nhưng chưa sử dụng và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 272688827 là giấy tùy thân của Diễm E. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại Giấy chứng minh nhân dân và xe mô tô 60F3-490.61 cho Diễm E.

Tạm giữ của nhà nghỉ Ngọc C1 45 bao cao su hiệu VPF, màu vàng, chưa sử dụng (Tạm giữ từ người quản lý nhà nghỉ là bà Đỗ Thị Kim D).

Bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố Phan Thanh T tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Thanh T mức án tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhảu thu lợi bất chính nên đề nghị áp dụng khoản 4 điều 328 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước những phương tiện và tiền liên quan tới hành vi mua, bán dâm gồm: 01 điện di động hiệu Oppo F3 Plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51; 01 điện thoại Nokia màu đen và số tiền 2.650.000 đồng.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su hiệu VPF đã qua sử dụng; 47 bao cao su hiệu VPF chưa qua sử dụng; 02 Sim điện thoại số 0379482621 và 0914136993.

Đối với bà Lê Thị L là người T khai đã gọi điện nhờ gọi Ngô Kim C và Huỳnh Thị H đến quán của T để bán dâm, nhưng bà L khai không biết mục đích của T và gái bán dâm, Cơ quan cảnh sát điều tra không chứng minh được vai trò đồng phạm của bà L nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với L.

Đối với Ngô Kim C, Phạm Thị Diễm E và Huỳnh Thị H có hành vi bán dâm đã vi phạm lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội. Trưởng Công an huyện D đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 100.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Tấn C1 là chủ nhà nghỉ Ngọc C1 và bà Đỗ Thị Kim D là người quản lý của nhà nghỉ Ngọc C1, không biết việc T môi giới cho khách mua dâm và gái bán dâm; không biết việc gái bán dâm và khách đến thuê phòng nghỉ để mua, bán dâm tại nhà nghỉ của mình nên không xem xét xử lý hình sự đối với ông C1 và bà D. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét, đề nghị xử lý hành chính theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ.

Đối với 03 khách mua dâm, khi bị bắt khai tên là Trần Đức H2, Ngô Văn H3 và Đỗ Văn T2 đã vi phạm khoản 1 Điều 22 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, nhưng H2 và H3 khai không đúng tên, tuổi, địa chỉ nên chưa xử phạt được. Riêng Đỗ Văn T2 đã xác định được nhân thân, lai lịch và Trưởng Công an huyện D đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T2 500.000 đồng, nhưng T2 không có mặt địa phương nên chưa thi hành được.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối cải về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định được: Khoảng 16 giờ ngày 18/12/2020, Phan Thanh T có hành vi làm trung gian dẫn dắt cho Huỳnh Thị H, Ngô Kim C và Phạm Thị Diễm E bán dâm cho 03 người đàn ông mua dâm, thu lợi bất chính số tiền 250.000 đồng. Khi 03 cặp nam, nữ đang quan hệ tình dục tại các phòng số 03, 04 và 05 của nhà nghỉ Ngọc C1 thuộc ấp T, xã P, huyện D thì bị lực lượng Công an phát hiện và lập biên bản quả tang.

Và trong khoảng thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020, Phan Thanh T đã làm trung gian dẫn dắt cho Huỳnh Thị H, Ngô Kim C và Phạm Thị Diễm E bán dâm hơn 10 lần, thu lợi bất chính 100.000 đồng.

Vì vậy, hành vi của Phan Thanh T đã phạm tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

[3]. Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố Phan Thanh T tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và đạo đức, truyền thống, thuần phong M tục của dân tộc cũng như nếp sống văn minh, lành mạnh của xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm, nhưng vì coi thường pháp luật và vì vụ lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần có hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự khai báo những lần phạm tội trước đây chưa bị phát hiện. Vì vậy, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo môi giới mại dâm nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nhất định để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng:

[6.1]. Thu giữ của Ngô Kim C 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu đen, biển số 72G1-118.88; thu giữ của Phạm Thị Diễm E 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 60F3-490.61 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 272688827.

Qua điều tra, xác minh xe mô tô 72G1-118.88 là của bà Lê Thị L cho C mượn để đi công việc, bà L không biết C dùng xe để đi bán dâm; đối với xe mô tô biển số 60F3-490.61 là phương tiện đi lại của Diễm E và Giấy chứng minh nhân dân số 272688827 là giấy tùy thân của Diễm E. Xét thấy các phương tiện và giấy tờ trên không trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội của Phan Thanh T nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chủ xe là bà L và trả lại xe cùng Giấy chứng minh nhân dân cho Diễm E là phù hợp.

Các vật chứng trên đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2]. Thu giữ của Phan Thanh T 500.000 đồng: Trong đó 250.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm ngày 18/12/2020 và 100.000 đồng thu lợi bất chính từ việc môi giới mại dâm trước đó, tổng cộng 350.000 đồng. Xét thấy, số tiền 150.000 đồng là tiền T bán nước và cà phê mà có, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho T; đối với số tiền 350.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Thu giữ của Huỳnh Thị H 1.050.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng là tiền bán dâm mà có và 50.000 đồng là tiền của H mang theo; thu giữ của Ngô Kim C 500.000 đồng và thu giữ của Phạm Thị Diễm E 600.000 đồng, tổng cộng là 2.150.000 đồng. Xét thấy, số tiền 50.000 đồng là tài sản của Huỳnh Thị H, không liên quan tới tội phạm nên trả lại cho Huỳnh Thị H; đối với số tiền 2.100.000 đồng thu của các cô gái do bán dâm mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3]. Thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus kèm theo sim, số 0914136993 của Phan Thanh T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh dương, số seri: R9JN70V3X5J, số Imel: 35641611882948 của Huỳnh Thị H; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, số Imel: 356161110119872/01 kèm theo sim, số 0379482621 của Ngô Kim C và 01 điện thoại Nokia màu đen của Phạm Thị Diễm E.

Xét thấy điện thoại di động Oppo F3 Plus thu giữ của T được T dùng làm phương tiện liên lạc môi giới mại dâm ngày 18/12/2020 và trước đó nhiều lần liên lạc để môi giới cho các cô gái bán dâm là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với những điện thoại thu giữ của H, C, Diễm E là phương tiện có liên quan tới hành vi bán dâm của các cô gái này, nhưng hành vi của H, C, Diễm E đã bị xử lý vi phạm hành chính nên trả lại điện thoại di động cho H, C và Diễm E là phù hợp; đối với sim điện thoại, số 0914136993 và sim điện thoại, số 0379482621 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.4]. Đối với 04 bao cao su hiệu VPF thu giữ của gái bán dâm (Trong đó 02 bao cao su đã qua sử dụng) là vật sử dụng vào việc bán dâm nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 45 bao cao su hiệu VPF chưa qua sử dụng thu giữ của nhà nghỉ Ngọc C1 không liên quan đến tội phạm, nhưng chủ nhà nghỉ là ông Nguyễn Tấn C1 không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước phương tiện và tiền liên quan tới hành vi mua, bán dâm gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51; 01 điện thoại Nokia màu đen và số tiền 2.650.000 đồng. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su hiệu VPF đã qua sử dụng và 47 bao cao su hiệu VPF chưa qua sử dụng và 02 Sim điện thoại số 0379482621 và 0914136993.

[7]. Đối với bà Lê Thị L là người T nhờ gọi H và C tới quán cà phê Tôi Nhớ 2 của T ngày 18/12/2020, nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra không chứng minh được bà L đồng phạm với T môi giới mại dâm nên không xử lý hình sự đối với bà L là phù hợp.

[8]. Đối với Huỳnh Thị H, Ngô Kim C và Phạm Thị Diễm E có hành vi bán dâm đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Trưởng Công an huyện D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Huỳnh Thị H, Ngô Kim C và Phạm Thị Diễm E là phù hợp.

[9]. Đối với 03 khách mua dâm khai họ, tên là Trần Đức H2, Ngô Văn H3 và Đỗ Văn T2 đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, hai người khai tên Trần Đức H2 và Ngô Văn H3 khai không đúng họ, tên, địa chỉ nên không đủ căn cứ xử phạt vi phạm hành chính. Đối với Đỗ Văn T2, Trưởng Công an huyện D đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng T2 đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa thi hành được.

[10]. Đối với chủ nhà nghỉ Ngọc C1 là ông Nguyễn Tấn C1 và người quản lý nhà nghỉ là bà Đỗ Thị Kim D không biết việc T môi giới mại dâm và không biết 03 đôi nam, nữ tới thuê phòng của nhà nghỉ để mua, bán dâm ngày 18/12/2020 nên không xử lý hình sự là phù hợp.

Tuy nhiên, xét thấy ông Nguyễn Ngọc C1 là người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý, căn cứ khoản 1 Điều 25 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Hội đồng xét xử kiến nghị Trưởng Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc C1 theo quy định. Đối với bà Đỗ Thị Kim D - quản lý nhà nghỉ là người đã cung cấp địa điểm cho hoạt động mua bán dâm, Hội đồng xét xử kiến nghị Trưởng Công an huyện D căn cứ khoản 1 Điều 24 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ xem xét, xử phạt vi phạm hành chính với bà Đỗ Thị Kim D theo quy định.

[11]. Về án phí: Bị cáo pH2 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Phan Thanh T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; Điều 38; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phan Thanh T: 03 (Ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2020.

Phạt bổ sung Phan Thanh T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo F3 Plus;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bao cao su hiệu VPF đã qua sử dụng và 47 (Bốn mươi bảy) bao cao su hiệu VPF chưa qua sử dụng; 01 (Một) sim điện thoại, số 0914136993 và 01 (Một) sim điện thoại, số 0379482621;

- Trả lại cho Phan Thanh T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

- Trả lại cho Huỳnh Thị H số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh dương, số seri: R9JN70V3X5J, số Imel: 35641611882948;

- Trả lại cho Ngô Kim C 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, số Imel: 356161110119872/01;

- Trả lại cho Phạm Thị Diễm E 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Toàn bộ vật chứng trên hiện C cục thi hành án dân sự huyện D đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 67/BB ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D và C cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Phan Thanh T pH2 nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- C cục THADS huyện D;
- Bị cáo và Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Văn Duy**